
















































Bảng báo giá và catalogue thông số kỹ thuật các model máy phát điện Cummins

Số xi lanh Tài liệu QSX15G8HC5D4553645004006 

Model	Kiểu động cơ	Kiểu đầu phát	Công suất liên tục		Công suất dự phòng			
			kVA	kW	kVA	kW		
C8 D5	X1.3G2	PI044D	7.5	6	8.3	6.6	2	
C11 D5	X1.3G2	PI044E	10	8	11	8.8	2	
C17 D5	X2.5G2	PI044H	14.9	11.88	16.5	13.2	3	
C22 D5	4B3.3G1	BC164E	19.8	15.8	22	17.6	4	
C33 D5e	4BT3.3G3	UC224C	24.8	19.8	27.5	22	4	
C33 D5	4BT3.3G3	UC224C	30	24	33	26.4	4	
C44 D5	S3.8G4	UCI2244D	40	32	44	35.2	4	
C38D5	X3.3G2	P144H	35	28	38	30.4	4	
C44D5e	4BT3.3G3	UC224C	40	32	44	35.2	4	
C66D5	S3.8G7	UCI224G	60	48	66	52.6	4	
C55D5	S3.8G6	UCI224E	50	40	55	44	4	
C55D5e	4BT3.3G3	UC224D	50	40	55	44	4	
C70D5	4BTA3.9G4	UC224F	62.5	50	70	56	4	
C90D5	4BTA3.9G4	UC224G	80	64	90	72	4	
C110D5	4ISBeG1	UC274C	100	80	110	88	6	
C150D5	6BTA5.9G2	UC274E	136.3	109	150	120	6	
C175D5e	QSB7G5	UC274E	160	128	175	140	6	
C200D5e	QSB7G5	UC274H	183	164	200	160	6	
C220D5	6CTAA8.3G	UC274H	200	160	220	176	6	
C220D5e	QSB7G5	UC274H	200	160	220	176	6	
C250D5	6CTAA8.3G2	UC274J	228	182	250	200	6	
275D5	QLS9G5	UC274K	250	200	275	220	6	
C300D5	QLS9G5	HC4D	274	220	300	240	6	
C330D5	QSL9G5	HC4D	300	240	330	264	6	
C350D5	NTA855G6	HC4E	320	256	350	280	6	
C400D5	QSX15G8	HC4F	364	291	400	320	6	
C400D5	NTA855G5	HC4F	360	288	400	320	6	
C440D5	NTA855G7	HC5C	400	320	440	352	6	
C500D5e								
C550D5e	QSX15G8	HC5D	500	400	550	440	6	
C575D5B	KTA19G4	HC5E	511	409	576	461	6	
C700D5	VTA28G5	HC5F	640	512	706	565	12	

C825D5A	VTA28G6	HC6G	750	600	825	660	12	
C900D5	QSK23G3	HC6H	820	656	900	720	12	
C1000D5	QST30G3	HC6J	939	751	1041	833	12	
C1100D5	KTA38G5	HC6K	1000	800	1100	888	12	
C1100D5B	KTA38G5	HC6K	1029	833	1133	906	12	
C1400D5	KTA50G3	P7B	1250	1000	1400	1120	16	
C1675D5	KTA50G8	P7D	1400	1120	1675	1340	16	
C1675D5e	QSK60GS3	LVP7E	1600	1280	1760	1408	16	
C1675D5A	KTA50GS8	P7D	1500	1200	1675	1340	16	
C2000D5e	QSK60G3	P7F	1825	1460	2000	1600	16	
C2000D5	QSK60G3	P7F	1875	1500	2063	1650	16	
C2250D5	QSK60G4	P7G	2000	1600	2250	1800	16	
C2500D5A	QSK78G8	P8	2250	1800	2500	2000	16	
C2750D5	QSK78G6	P8	2500	2000	2750	2200	18	
C3000D5	QSK78 - G9	LVS1804S,T,W,X	2750	2200	3000	2400	18	
C3300D5	QSK78G6	RTF	3000	2400	3325	2660	18	

Hãy nhắc máy và gọi ngay cho chúng tôi để nhận báo giá mới nhất cho mẫu [máy phát điện Cummins chính hãng](#) bạn nhé.

Rất hân hạnh được phục vụ quý khách.

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÕ GIA

Trụ sở chính: 341 Trường Chinh, P.Tân Thới Nhất, Q.12, TP.HCM.

Chi nhánh: 40/21 Đường HT31, KP1, P. Hiệp Thành, Q.12.

ĐT: (028) 6259 4902 – Hotline: 0938.595.888

Kho và xưởng: 990 Quốc Lộ 1A, P Thanh Xuân , Q12, TPHCM.

Hotline: 0909 968 122 – 0938.595.888 (Mr Quý)

Chi nhánh 1: 14 Nguyễn Văn Quỳ, P. Phú Thuận, Q.7, TP HCM.

ĐT: (028) 3735 5371 – Hotline: 0983.575.864

Chi nhánh 2: 43 ĐƯỜNG 31, KP3, P. Bình Trưng Đông, Q.2

ĐT: (028) 3735 5368 – Hotline: 0938.149.009

Chi nhánh tại Đà Nẵng: 464 Lê Văn Hiến, Q Ngũ Hành Sơn,, TP. Đà Nẵng.

Hotline:0984 547 376

Chi nhánh tại Hà Nội: ¼ Ngõ 1, Định Công, P.Thịnh Liệt, Q.Hoàng Mai

TP.Hà Nội – Hotline: 0909 968 122.

Mail: quy@vogia.com.vn

